TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2020/DS-ST
Ngày: 22/9/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T-THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 9/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 565/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301103908 đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Nguyễn Khoa N – Phó Giám đốc Trung tâm thẻ (Giấy uỷ quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 03/12/2018)

Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Đức T – Nhân viên

Giấy uỷ quyền số 1374/2019/UQ-TTT ngày 11/8/2019

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1974

Hộ khẩu thường trú: 118/42/15 đường H, phường H, quận T, Thành phố H.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là ngân hàng) và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2010, theo yêu cầu của ông Phạm Thanh L, Ngân hàng cấp cho ông L thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức tín dụng là 17.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 143.111.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 150.796.630 đồng (bao gồm các khoản phí, nợ gốc và nợ lãi). Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/10/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tại thời điểm này là 18.918.794 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại), lãi quá hạn: 7.581.492 đồng. Tổng cộng ông L phải trả số tiền 26.500.286 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản đề nghị ông L thanh toán số tiền trên nhưng ông L cố tình trốn tránh, không thanh toán. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải thanh toán số tiền 26.500.286 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22/9/2020, ngân hàng có yêu cầu tính lãi bổ sung đến ngày 24/8/2020 tổng cộng là 26.500.286 *(Hai mươi sáu triệu, năm trăm ngàn, hai trăm tám sáu)* đồng; trong đó, nợ gốc 18.918.794 đồng, lãi quá hạn 7.581.492 đồng. Ngoài ra, ngân hàng còn yêu cầu ông L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 25/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là ông Phạm Thanh L nhưng ông L không đến Tòa trong các buổi triệu tập làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L, không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía ông L và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Thanh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ và hòa giải cũng như việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh L trả khoản nợ vay theo hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh của Công an phường H, quận T, TP. H thì ông Phạm Thanh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H, quận T. Hiện đương sự không có sinh sống tại địa chỉ trên và không rõ địa chỉ nơi ở mới. Như vậy, nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn trong đơn khởi kiện theo địa chỉ do bị đơn cung cấp khi giao kết hợp đồng, việc bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới, được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận T. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có bút tích và chữ ký của ông Phạm Thanh L, cũng như đối chiếu các văn bản, tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp, Hội đồng xét xử xét có cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Phạm Thanh L có giao kết hợp đồng tín dụng như phía đại diện ngân hàng trình bày.

Xét, nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại các điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 là "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Bị đơn không đến Tòa án, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó có cơ sở buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền dư nợ gốc theo hợp đồng là 18.918.794 đồng, tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến ngày 24/8/2020 là 7.581.492 đồng. Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 26.500.286 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 23/9/2020 bị đơn còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu tiền án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phạm Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ của thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp

đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 20/4/2010 tính đến ngày 24/8/2020 số tiền là 26.500.286 *(Hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn, hai trăm tám mươi sáu)* đồng; Trong đó, nợ gốc là 18.918.794 *(Mười tám triệu, chín trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi bốn)* đồng, tiền lãi quá hạn là 7.581.492 *(Bảy triệu, năm trăm tám mươi mốt nghìn, bốn trăm chín mươi hai)* đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/8/2020 ông Phạm Thanh L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.325.014 *(Một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm mười bốn)* đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 552.166 *(Năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi sáu)* đồng theo biên lai thu số AA/2019/0020391 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn ông Phạm Thanh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. H
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q.T;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hòa